

Số: 155/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8***

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình như sau:

1. Tên dự án: Khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái.
2. Tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng: **13,90 ha**
3. Địa điểm, vị trí chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng:
 - a) Địa điểm: Xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.
 - b) Vị trí: Tại tiểu khu 4912, các khoảnh 6, 7, 7a, gồm 54 lô.

(Kèm theo Biểu chi tiết Khu vực chuyển mục đích sử dụng rừng; trích lục tiểu khu, khoảnh, lô từ Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, về việc phê duyệt Kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030).

4. Chức năng rừng: 0,51 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất; 13,39 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng nhưng chưa có quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng.

5. Loại rừng hiện nay: Rừng trồng và đất chưa có rừng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, hiện trạng rừng tại hồ sơ trình kỳ họp thứ 8, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. *Bc*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: NN& PTNT, KH&ĐT, TN&MT; XD;
- HĐND, UBND thành phố Hòa Bình;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND (M, Th).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

BIỂU VỊ TRÍ, HIỆN TRẠNG, DIỆN TÍCH KHU VỰC CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU BIỆT THỰ NHÀ VƯỜN, TRỒNG RỪNG KẾT HỢP DU LỊCH SINH THÁI TẠI XÃ MÔNG HÓA, THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

TT	TK	K	L	QH 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng							Đất chưa có rừng		Ghi chú
						Diện tích đất có rừng (ha)	Rừng trồng					Diện tích (ha)	Trạng thái		
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m³/ha)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng			Năm trồng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	4912	6	37	NQH	0,15								0,15	dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
2	4912	7	34	NQH	0,23	0,23	0,23	rtg	14,95		Keo	2011	0,17		Chưa có QĐ chuyển đổi
3	4912	7	35	NQH	0,14	0,14	0,14	rtg	9,1		Keo	2012	0,07		Chưa có QĐ chuyển đổi
4	4912	7	37	NQH	0,01	0,01	0,01	rtg	0,65		Keo	2014	0,14		Chưa có QĐ chuyển đổi
5	4912	7	47	NQH	0,02	0,02	0,02	rtg	1,3		Keo	2012	0,02		Chưa có QĐ chuyển đổi
6	4912	7	126	NQH	0,17								0,05	mn	Chưa có QĐ chuyển đổi
7	4912	7a	9	NQH	0,07								0,35	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
8	4912	7a	13	NQH	0,14								0,09	dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
9	4912	7a	14	NQH	0,02								0,07	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
10	4912	7a	15	NQH	0,05								0,01	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
11	4912	7a	16	NQH	0,35								0,83	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
12	4912	7a	17	NQH	0,09								0,12	nn	Chưa có QĐ chuyển đổi
13	4912	7a	19	NQH	0,07								1,1	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
14	4912	7a	20	NQH	0,01								0,81	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
15	4912	7a	27	NQH	1,31	1,31	1,31	rtg	83,15		Keo	2012	0,18		Chưa có QĐ chuyển đổi
16	4912	7a	28	NQH	0,83								0,95	nn	Chưa có QĐ chuyển đổi
17	4912	7a	29	NQH	0,12								0,02	mn	Chưa có QĐ chuyển đổi
18	4912	7a	30	NQH	1,1								0,25	nn	Chưa có QĐ chuyển đổi
19	4912	7a	31	NQH	0,81								1,82	nn	Chưa có QĐ chuyển đổi

TT	TK	K	L	QH 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng							Đất chưa có rừng		Ghi chú
						Diện tích đất có rừng (ha)	Trạng thái	Rừng trồng				Diện tích (ha)	Trạng thái		
								Trữ lượng gỗ (m ³ /ha)	Trữ lượng tre nửa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng				
20	4912	7a	32	NQH	0,18								0,67	mn	Chưa có QĐ chuyển đổi
21	4912	7a	45	NQH	0,95								0,14	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
22	4912	7a	46	SX	0,02								0,05	dt1	
23	4912	7a	50	NQH	0,25								0,05	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
24	4912	7a	52	NQH	1,82								0,19	nn	Chưa có QĐ chuyển đổi
25	4912	7a	52	NQH	0,67								0,01	mn	Chưa có QĐ chuyển đổi
26	4912	7a	53	NQH	0,14								0,74	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
27	4912	7a	54	SX	0,41	0,41	0,41	rtg	22,7		Keo	2012	0,23		
28	4912	7a	55	NQH	0,05								0,05	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
29	4912	7a	58	NQH	0,23	0,23	0,23	rtg	11,6		Keo	2012	0,08		Chưa có QĐ chuyển đổi
30	4912	7a	60	NQH	0,05								0,08	dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
31	4912	7a	61	NQH	0,19								0,02	mn	Chưa có QĐ chuyển đổi
32	4912	7a	67	NQH	0,03	0,03	0,03	rtg	1,95		Keo	2012	0,01		Chưa có QĐ chuyển đổi
33	4912	7a	68	NQH	0,07	0,07	0,07	rtg	4,55		Keo	2014	1,33		Chưa có QĐ chuyển đổi
34	4912	7a	69	NQH	0,06	0,06	0,06	rtg	3,9		Keo	2014	0,02		Chưa có QĐ chuyển đổi
35	4912	7a	70	NQH	0,17	0,17	0,17	rtg	9,4		Keo	2012	0,01		Chưa có QĐ chuyển đổi
36	4912	7a	71	NQH	0,06	0,06	0,06	rtg	3,9		Keo	2014			Chưa có QĐ chuyển đổi
37	4912	7a	73	NQH	0,01									dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
38	4912	7a	74	NQH	0,74									dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
39	4912	7a	85	NQH	0,03	0,03	0,03	rtg	1,95		Keo	2012			Chưa có QĐ chuyển đổi
40	4912	7a	91	NQH	0,23									dkh	Chưa có QĐ chuyển đổi
41	4912	7a	101	SX	0,05									dkh	
42	4912	7a	153	NQH	0,08									nn	Chưa có QĐ chuyển đổi
43	4912	7a	154	NQH	0,08									dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
44	4912	7a	155	NQH	0,02									nn	Chưa có QĐ chuyển đổi

TT	TK	K	L	QH 3 loại rừng	Tổng cộng (ha)	Thông tin về lô rừng							Đất chưa có rừng		Ghi chú
						Diện tích đất có rừng (ha)	Rừng trồng						Diện tích (ha)	Trạng thái	
							Diện tích (ha)	Trạng thái	Trữ lượng gỗ (m³/ha)	Trữ lượng tre nứa (cây/lô)	Cây trồng	Năm trồng			
45	4912	7a	16a	NQH	0,09	0,09	0,09	rttn		100	Luồng	2012			Chưa có QĐ chuyển đổi
46	4912	7a	16b	NQH	0,16	0,16	0,16	rttn		259	Luồng	2012			Chưa có QĐ chuyển đổi
47	4912	7a	46a	SX	0,01									dt1	
48	4912	7a	46b	NQH	1,33									dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
49	4912	7a	50a	SX	0,02									dt1	
50	4912	7a	75a	NQH	0,01									dt1	Chưa có QĐ chuyển đổi
Tổng					13,90	3,02	3,02		169,1	359			10,88		

Ghi chú:

- Tổng diện tích chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 13,9 ha, hiện trạng có 3,02 ha rừng trồng (keo, luồng); 10,88 ha diện tích không có rừng. Trong đó:

+ 0,51 ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất, hiện trạng có 0,41 ha rừng trồng keo, luồng; 0,1 ha diện tích không có rừng.

+ 13,39 ha đã điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng nhưng chưa có quyết định chuyển đổi, thuộc đối tượng phải chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, hiện trạng có 2,61 ha rừng trồng; 10,78 ha diện tích không có rừng.

- Chữ viết tắt: Tiểu khu (TK); Khoảnh (K); Lô (L); Quy hoạch rừng sản xuất (SX); Diện tích không có rừng (dt1).

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH